

KỶ NIỆM NGÀY THÀNH LẬP NGÀNH

THỦY LỢI – NHỮNG BÀI HỌC ĐÃ QUA

Nguyễn Xuân Tiệp - CCWR

Có lẽ ở Việt nam, không ai không biết đến một cụm từ “Thủy lợi”, như một “vật thể” gắn chặt với cuộc sống của người dân, nhất là người dân nông thôn. Khi “trở trời”, có mưa, lũ lụt, nắng nóng, khô hạn, người nông dân thốn thứt, mong mỏi có công trình thủy lợi hỗ trợ họ, đảm bảo sự an toàn cho họ hạn chế được thiệt hại do mưa lũ và hạn hán gây ra. Thủy lợi thật sự gắn gũi với họ. Ấy thế mà khi tiếp xúc với cán bộ ở một địa phương đã được chia sẻ: “ Ở tỉnh em bây giờ trong các báo cáo đã thay thế cụm từ “công trình thủy lợi” bằng cụm từ “công trình nông nghiệp” và một số huyện không có cán bộ được đào tạo chuyên ngành thủy lợi để phụ trách công tác thủy lợi..” . Cách hiểu của mỗi người có khác nhau, nhưng trong suy nghĩ và tình cảm của những người đã từng làm công tác thủy lợi thì cảm thấy không vui khi không còn cụm từ “thủy lợi”

Nhưng trong một phóng sự về sự thành công của sản xuất nông nghiệp ở vùng đồng bằng sông Cửu long đã có nhiều người nhắc đến vai trò của thủy lợi, có người đã khẳng định “thủy lợi là khâu đột phá”, tạo nên sự thành công đó. Nhưng người làm thủy lợi đã vui mừng vì đã “lâu lắm rồi mới nghe được được sự khẳng định đó”

Nhân kỷ niệm 70 năm ngày thành lập ngành thủy lợi, trong khuôn khổ về nội dung, thời gian, tôi muốn chia sẻ với các bạn đã từng làm thủy lợi để nhớ lại những dấu ấn của ngành, mang tính truyền thông mà cha ông ta để lại, tiếp tục hoàn chỉnh thủy lợi tốt hơn theo hướng “thủy lợi hóa” “hiện đại hóa thủy lợi” hiệu quả, phát triển thủy lợi bền vững

Thủy lợi – Phát triển nguồn nước

Theo cách hiểu truyền thống thì “Thủy lợi là các hoạt động nhằm mục đích quản lý, bảo vệ, phát triển nguồn nước, khai thác mặt lợi của nước và chống lại tác hại của nước để phục vụ các yêu cầu của con người và sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội bền vững ..” Như vậy thủy lợi không chỉ phục vụ nông nghiệp đơn thuần như một số người thường nghĩ. Từ xưa tới nay mục tiêu của thủy lợi được xác định phục vụ đa mục tiêu với các đối tượng khác nhau, bao gồm Tưới tiêu, cung cấp nước cho dân sinh, điều chỉnh dòng chảy, cân đối nguồn nước (mùa mưa, mùa khô) đáp ứng yêu cầu sử dụng nước trong năm, hạn chế các thiệt hại về người, tài sản do thiên tai (bão, lũ lụt) gây ra, cải tạo đất, cải tạo môi trường, sinh thái, phục vụ sản xuất công nghiệp, giao thông thủy, bô, phát điện, an ninh quốc phòng...đặc biệt là giảm đáng kể tác động của “Biến đổi khí hậu... đã góp phần quan trọng ổn định chính trị, sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước

“...có đất và có nước mới thành tổ quốc, có đất lại có nước thì dân giàu, nước mạnh ...”(Bác Hồ).

Đặc biệt đối với người Việt Nam khi nói đến nước (nguồn nước) là nói đến Thủy lợi và lịch sử của nông nghiệp Việt Nam đã khẳng định: sự thành công của nền lúa nước ở từ thế kỷ 18, 19 là “*nhờ có thủy lợi*” và “*thủy lợi là công việc của cộng đồng*”, bởi lẽ thủy lợi là công việc mà mỗi hộ nông dân không tự làm được. Đặc

biệt trong sản xuất nông nghiệp, người nông dân đã ghi nhận “nước là yếu tố quan trọng, đã sắp xếp thứ tự nước lên hàng đầu trong số 4 yếu tố gồm: (1) *Nhất nước*, (2) *Nhì phân*, (3) *Tam cần* (là các tác động của con người, bao gồm chăm sóc, thiết lập cơ chế, chính sách) (4) *Tứ giống*. Cả bốn yếu tố đều có sự ràng buộc lẫn nhau, trong đó nước (thuộc yếu tố số 1) có tính quan trọng hơn cả, vì con người không tự sản sinh ra nước (như sản xuất ra phân, giống) và nước cần thiết trong suốt cả quá trình sản xuất ra giống (thuộc yếu tố 4) và giúp quá trình phân giải các loại phân (thuộc yếu tố 2) cung cấp theo yêu cầu cho các thời kỳ sinh trưởng của từng loại cây trồng. Riêng yếu tố 3, ngoài sự chăm sóc trực tiếp hàng ngày còn phải thiết lập các cơ chế, chính sách để đảm bảo yêu cầu về chất, lượng của cả 3 yếu tố : ***nước, phân, giống***

Như vậy thủy lợi là “chìa khóa” cho tất cả (i, ii, iii) các lĩnh vực phát triển kinh tế xã hội và con người



Vị trí lưới chắn rác



Điều tiết nước trên kênh qua tràn bên

Thủy lợi – chuyên ngành kỹ thuật như giao thông, xây dựng

Nhà nước và Nhân dân Việt Nam rất quan tâm, coi trọng thủy lợi và thủy lợi đã được xác định là một ngành kỹ thuật (tương tự ngành Giao thông, Xây dựng...), đã thành lập **Bộ Thủy lợi**, một đơn vị chuyên ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch, thiết kế, xây dựng, quản lý, khai thác, bảo vệ...đảm bảo yêu cầu phát triển nguồn nước bền vững

Theo nhiều tài liệu, sau ngày 6 tháng 1 năm 1946, lần họp thứ nhất của Quốc Hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam) đã quyết định thành lập *Bộ Giao thông - Công chính*, trong đó có nhiệm vụ thủy lợi. Và lần họp thứ 4 của Quốc hội đã có Nghị quyết tách Bộ Giao thông - Công Chính thành *Bộ Giao thông Vận tải* và *Bộ Thủy lợi - Kiến trúc*.

Tháng 4 năm 1958 theo Nghị quyết của Quốc hội kỳ họp lần thứ 5, đã quyết định tách *Bộ Thủy lợi – Kiến trúc* thành **Bộ Thủy lợi** và **Bộ Kiến trúc**. Về mặt pháp lý có thể coi

ngành thủy lợi đã được hình thành (*không kể giai đoạn rất ngắn Bộ Thủy lợi kết hợp với Điện lực thành Bộ Thủy lợi – Điện lực*).

Tổ chức, hoạt động của ngành thủy lợi

Sau khi được thành lập đi vào hoạt động, ngành Thủy Lợi Việt Nam đã tập hợp, đào tạo được một đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên sâu về thủy lợi, hình thành một hệ thống tổ chức bộ máy hoàn chỉnh, từ Trung ương đến địa phương

+ Ở Trung ương có Bộ Thủy lợi gồm các đơn vị chủ chốt trực thuộc, trong đó có Viện Quy Hoạch, Viện Nghiên cứu, Trường Đại Học, Viện Thiết kế, các Công ty Xây dựng...các đơn chức năng khác..trong đó có Vụ (Cục) Đê điều, Vụ Thủy Nông (sau này gọi là Vụ - Cục Quản lý nước và công trình thủy lợi).

+ Ở địa phương (cấp Tỉnh, Huyện, Xã) có Sở Thủy lợi, Phòng Thủy lợi Huyện, Ban thủy lợi Xã, đặc biệt có các đơn vị quản lý khai thác, bảo vệ các hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn (Công ty, Ban quản lý, Hội những người sử dụng nước – Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Tổ, đội thủy nông)

Trong suốt cả 3 thời kỳ khó khăn nhất do chiến tranh của đất nước (i) *Miền Bắc Việt nam mới giải phóng* (1954), *Sau chiến tranh toàn quốc*, (ii) *Tiếp đến là thời kỳ chiến tranh phá hoại Miền Bắc ác liệt nhất* (1966 – 1975) (iii) *Miền Nam Việt nam mới giải phóng, thống nhất cả hai miền Bắc Nam của đất nước* (từ năm 1975)

Ngành thủy lợi Việt nam đã tổ chức, thực hiện tốt chức năng *quản lý nhà nước thống nhất về thủy lợi theo lưu vực, khép kín từ khâu **qui hoạch**, thiết kế, đầu tư, xây dựng, **quản lý**, bảo vệ, phát triển nguồn nước*. Trong đó qui hoạch đã đi trước một bước là căn cứ quan trọng để quyết định giải pháp kinh tế, kỹ thuật, đảm bảo yêu cầu phát triển thủy lợi bền vững..

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng – Bài học huy động sức dân

Thực hiện Nghị quyết Đại Hội Đảng lần thứ III “*Để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp cần phát triển mạnh mẽ công tác thủy lợi và cải tạo đất, trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, cần xúc tiến xây dựng mạng lưới thủy lợi, kết hợp những công trình hang nhỏ do nhân dân làm, với những công trình hang vừa và hang lớn do nhà nước làm, hoặc nhà nước và nhân dân cùng làm. Bước đầu trị thủy và khai thác hệ thống sông Hồng.*”. Vai trò của thủy lợi đã được khẳng định “*Thủy lợi là biện pháp hàng đầu để phát triển sản xuất nông nghiệp*” (Nghị quyết V- BCHTW)

Trong vòng trên 5 năm đầu sau khi giải phóng Miền Bắc, những năm sau thập kỷ 60, qui hoạch thủy lợi thuộc các lưu vực sông của các tỉnh miền Bắc đã được xác định tương đối rõ ràng, đảm bảo yêu cầu tiến hành thiết kế, xây dựng nhiều công trình, hệ thống công trình thủy lợi loại lớn, vừa, nhỏ, đáp ứng được yêu cầu cấp và tiêu thoát nước tốt hơn, phục vụ kế hoạch phát triển kinh tế toàn diện, nhất là đối với nông nghiệp, dân sinh

Trong những năm của thập kỷ 60 nhà nước đã tập trung đầu tư cho thủy lợi tăng gấp nhiều lần so với những năm trước đó. Đặc biệt 2 năm 1964 – 1965 nhà nước đã có chủ trương huy động sức dân làm thủy lợi, đã chuyển từ *phương châm 3 chính* trước đây (*giữ nước là chính, thủy lợi nhỏ là chính, nhân dân làm là chính*) sang *phương châm 3 kết hợp* (*kết hợp giữ, dẫn và tháo nước, kết hợp công trình lớn, vừa, nhỏ, kết hợp giữa nhà nước và nhân dân cùng làm*), và đã trở thành phong trào toàn dân làm thủy lợi. Đặc biệt 2 năm 1966 – 1967 Chính phủ phát động làm thủy lợi “*chủ yếu làm thủy lợi nhỏ, xây dựng lại đồng ruộng (nội đồng) cho phù hợp với điều kiện tưới tiêu*”. Từ đó đồng ruộng (hệ thống thủy nông mặt ruộng) của một số hệ thống thủy lợi ở miền Bắc Việt nam đã thay đổi cơ bản, nhiều trạm bơm nhỏ, cục bộ đã được xây dựng tạo điều kiện tưới tiêu đáp ứng yêu cầu thâm canh

Nhiều địa phương đã thực hiện phương châm “thủy lợi hóa kết hợp điện khí hóa nông thôn” đã tùy tiện xây dựng nhiều trạm bơm điện nhỏ, để có điều kiện “điện khí hóa nông thôn” nên đã bất chấp, không tuân thủ qui hoạch (trạm bơm tiêu xây dựng vào vị trí cao, trong khi đó trạm bơm tưới xây dựng vào vùng thấp trung), không đáp ứng yêu cầu sản xuất, nên hiệu quả thấp

Sau khi miền nam hoàn toàn giải phóng, đất nước đã thống nhất, với kinh nghiệm thủy lợi ở Miền Bắc, ngành thủy lợi đã tập trung xây dựng qui hoạch, xác định các giải pháp kỹ thuật cụ thể, lập kế hoạch phát triển thủy lợi phục đa mục tiêu ở các tỉnh phía Nam, nhất là các tỉnh *Đồng bằng Sông Cửu Long, vùng Tây nguyên, Đông Nam bộ, Duyên hải Miền trung*..

Qui hoạch thủy lợi đã được xác định trên cả hai miền từ những năm 1995 trở về trước vẫn là căn cứ quan trọng, đảm bảo cho kế hoạch phát triển tài nguyên nước cả trước mắt và lâu dài của Việt nam

Đáng chú ý là trong điều kiện nguồn vốn, vật liệu, vật tư thiếu, lực lượng lao động, trình độ kỹ thuật chuyên ngành hạn chế, công nghệ lạc hậu, đặc biệt là thời kỳ chiến tranh phá hoại ác liệt tương tự công trình giao thông, xây dựng, nhiều công trình thủy lợi bị đánh phá nhiều lần, nhất là công trình thủy lợi loại lớn.., nhưng với sự chỉ đạo của Đảng, nhà nước thực hiện phương châm “*nhà nước và nhân dân cùng làm*”, “*toàn dân kháng chiến*”, “*toàn dân làm thủy lợi*” ..đã tổ chức các công trường “*Đại thủ công*”, cùng với người dân **tham gia** đóng góp “*sức người*” “*sức của*” đã xây dựng được nhiều công trình thủy lợi các loại *lớn, vừa, nhỏ*. Cơ sở vật chất về thủy lợi đã không ngừng được tăng lên, chất lượng phục vụ, nhất là đối với nông nghiệp ngày càng được cải thiện

Quá trình phát triển thủy lợi ở Việt nam đã làm thay đổi bộ mặt nông thôn. Nơi nào có thủy lợi, nơi đó an ninh chính trị xã hội, an ninh nước đảm bảo, môi trường sinh thái được cải thiện đáng kể, giảm tỷ lệ nghèo đói. Trong lĩnh vực nông

ngiệp, thủy lợi đã góp phần tăng năng suất, tăng sản lượng, chất lượng sản phẩm nông nghiệp có tưới, tăng thu nhập, tạo thêm công ăn việc làm cho người dân. giải phóng sức lao động, ứng dụng khoa học công nghệ mới

Hoàn chỉnh thủy nông – Bài học về chỉ đạo thực hiện

Sau hơn 10 năm hoạt động (1955 – 1965) các hệ thống thủy lợi hiện có đã bộc lộ một số tồn tại (xây dựng chưa đồng bộ, không phù hợp với qui hoạch, tổ chức quản lý yếu kém, cơ chế chính sách chưa hoàn chỉnh..) dẫn đến hiệu quả khai thác công trình chưa cao.

Năm 1967, Bộ Thủy lợi đã thành lập các đoàn công tác, tiến hành đánh giá lại *qui hoạch các hệ thống thủy nông lớn ở các tỉnh thuộc ĐBSH, Bắc khu bốn, để trên cơ sở đó tiến hành phê duyệt qui hoạch thực hiện điều chỉnh qui hoạch, phê duyệt qui hoạch và thực hiện hoàn chỉnh các hệ thống thủy nông*

Cùng thời gian, UB Thanh tra của Chính phủ đã phối hợp với Bộ Thủy lợi và các bộ liên quan đã tiến hành *“kiểm tra một số một số hệ thống công trình thủy nông”*

“Trong phiên họp ngày 22 và 23 tháng 2 năm 1972, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ đã nghe UB Thanh tra Chính phủ báo cáo kết quả kiểm tra , Bộ thủy lợi và một số ngành có trách nhiệm báo cáo về biện pháp tăng cường công tác thủy nông trong những năm tới và trong phiên họp ngày 26 tháng 5 năm 1972, Thường vụ Hội đồng Chính phủ nghe đồng chí Hoàng Anh (Trưởng ban Nông Nghiệp Trung ương – Nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT) báo cáo về tổ chức chỉ đạo việc hoàn chỉnh các hệ thống thủy nông..” Thường vụ Hội đồng Chính phủ đã ban hành “ Nghị Quyết số 118 – CP ngày 16-6-1972 của Hội đồng Chính phủ về việc *“ Hoàn chỉnh các hệ thống công trình thủy nông”*

Nghị quyết đã khẳng định :

“ Từ ngày ngày hòa bình lập lại đến nay (1972)Nhà nước đã đầu tư khá nhiều tiền của, nhân dân ta đã bỏ nhiều công sức vào việc khôi phục và xây dựng mới nhiều công trình thủy nôngTuy nhiên so với yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp và cải thiện đời sống của nhân dân, so với tiền của, công sức đã bỏ ra, kết quả đạt được còn rất thấp. Nhiều hệ thống xây dựng đã lâu, nhưng đến nay vẫn chưa hoàn chỉnh, tình hình úng, hạn chưa được khắc phục có hiệu quả, có nơi còn bị rửa trôi làm đất bạc màu, thoái hóa...” Một trong số nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do *“ qui hoạch, thiết kế hệ thống công trình chưa đúng, thi công còn nhiều khuyết điểm...tổ chức quản lý nhiều thiếu sót,...qui hoạch đồng ruộng chưa tốt ...”*

“ Đi đôi với việc xây dựng mới , phải tập trung sức nhanh chóng hoàn chỉnh các công trình đã được xây dựng, phát huy hiệu quả các công trình sẵn có , tăng cường tổ chức và đưa việc quản lý thủy nông vào nền đi vào hạch toán, đáp ứng yêu cầu thâm canh có kết quả”

Nghị quyết đã chỉ đạo các địa phương ; “*Chấn chỉnh và tăng cường tổ chức quản lý, khai thác thủy nông, đưa công tác quản lý thủy nông vào nền nếp vào chế độ và gắn với đồng ruộng. Mặt khác phát huy vai trò của nó trong việc hoàn chỉnh thủy nông và quản lý công trình. Sau một hoặc 2 năm phải xây dựng xong hệ thống tổ chức chuyên trách về quản lý thủy nông từ trung ương đến cơ sở.*”..Đồng thời Nghị quyết đã chỉ thị các địa địa phương “ *Phát động phong trào cách mạng sôi nổi trong cán bộ và quần chúng, nêu cao tinh thần tự lực tự cường, hăng hái tham gia vào hoàn chỉnh thủy nông , đẩy mạnh việc xây dựng đồng ruộng, bảo đảm tưới tiêu chủ động và sử dụng nước một cách hợp lý theo yêu cầu thâm canh, kiên quyết khắc phục thực trạng để nước chảy tràn, rửa trôi màu mỡ và lãng phí nước ..*”

Tổ chức thực hiện – Bài học phân công, phân cấp

Căn cứ vào chức trách nhiệm vụ của ngành Thủy lợi và Nông nghiệp với việc “*đẩy mạnh hoàn chỉnh thủy nông, Thường vụ Hội đồng Chính phủ đã quyết định (Số 120 – CP, ngày 18/6/1972) chuyển Cục thủy nông và các bộ phận chuyên trách thủy nông ..ở Bộ Thủy lợi sang Ủy ban nông nghiệp trung ương. (Nay là Bộ NN và PTNT) thành lập Ban chỉ đạo hoàn chỉnh các hệ thống thủy nông ở Trung ương để giúp Hội đồng Chính phủ chỉ đạo toàn bộ toàn bộ công tác thủy nông...Ban chỉ đạo hoàn chỉnh các hệ thống thủy nông trung ương do một Phó Thủ tướng phụ trách và đại diện của các ngành : Bộ Thủy lợi, UBNN Trung ương....., “Cục thủy nông là cơ quan giúp việc cho ban chỉ đạo hoàn chỉnh các hệ thống công trình thủy nông trung ương..*”

Nghị quyết cũng đã khẳng định vai trò của cấp ủy Đảng chính quyền địa phương phải tập trung sức để làm tốt .. “*phải có kế hoạch huy động các ngành ở địa phương, đông viên và tổ chức quần chúng góp công, góp sức hoàn chỉnh thủy nông..*”

Ngày 15 – 11 năm 1972 Thường vụ Hội đồng Chính phủ họp, đã có Nghị quyết 231/CP ngày 19/12/1972 (Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký), trong đó đã nhận định “*Việc triển khai công tác hoàn chỉnh thủy nông ở địa phương thời gian qua chậm, hiệu quả thấp*”, đã đưa ra nhiều biện pháp về qui hoạch, thiết kế, thi công, chất lượng. Đặc biệt nhấn mạnh “*Song song với việc hoàn chỉnh hệ thống thủy nông cần nhanh chóng kiện toàn tổ chức quản lý..*”

Đến ngày 11 tháng 10 năm 1973 Hội đồng Chính phủ đã ký quyết định số 166-CP (do Phó Thủ tướng Lê Thanh Nghị ký) về việc “*Giao nhiệm vụ hoàn chỉnh các hệ thống công trình thủy nông cho Bộ Thủy lợi*” và “*Ủy ban nông nghiệp Trung ương chuyển cho Bộ Thủy lợi trực tiếp quản lý toàn bộ Cục Thủy nông và phụ trách các nhiệm vụ công tác thủy nông như đã qui định...*” (Điều 3)

Trong 3 năm (1973 – 1975) thực hiện Nghị định 118-CP về “*hoàn chỉnh các hệ thống thủy nông*” Bộ thủy lợi đã chỉ đạo 11 tỉnh đông bằng Bắc bộ, Trung bộ, 2 tỉnh Trung du (Hà Bắc, Vĩnh phú) và 3 tỉnh khu 4 cũ (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh) tập trung lực lượng để hoàn chỉnh các hệ thống công trình thủy nông hiện có. Hoàn chỉnh thủy nông đã thành một phong trào, nông dân đã đóng góp hàng vạn ngày công đào đắp hàng triệu mét khối đất (xây dựng, tu bổ, sửa chữa hệ thống thủy lợi). Kết quả 3 năm đã hoàn chỉnh 669.250 ha cả tưới và tiêu trên cùng một diện tích, 128.000 ha riêng về tưới, 50.300 ha riêng về tiêu với vốn đầu tư của nhà nước 250 triệu đồng (tương đương khoảng 2.500 tỷ đồng ước tính theo giá hiện nay). chưa kể hơn 15 triệu ngày công được huy động từ nông dân để đào đắp trên 12 triệu m³ đất kênh mương các cấp (kể cả cấp kênh khoảnh), đã hình thành 6 hệ thống thủy nông liên tỉnh, 13 hệ thống thủy nông liên huyện, 204 hệ thống thủy nông liên xã (có diện tích phục vụ từ 100 ha trở lên), chưa kể các hệ thống thủy nông đang được xây dựng. Đặc biệt là nhà nước đã hỗ trợ đầu tư đến khoảnh ruộng (mỗi khoảnh tương đương 5 ha), mỗi ha hỗ trợ 5 đồng (giá hiện hành) tương đương 500.000 đ theo giá hiện nay (gấp hơn 3 lần mức thủy lợi phi nội đồng nông dân đang phải trả cho tổ chức hợp tác dùng nước (HTDN) theo qui định, kinh phí này chỉ hỗ trợ một phần cho nông dân để xây dựng bờ vùng, phần lớn khối lượng đào đắp đều huy động từ sức dân là chính, nhằm tạo ra một hệ thống thủy lợi khép kín từ đầu mối đến mặt ruộng.

Theo tài liệu tổng kết thì đến năm 1975 đã có 11 huyện hoàn thành dứt điểm nhiệm vụ hoàn chỉnh thủy nông 3 năm 1974 – 1976 trước thời hạn 1 năm. Đây là mô hình đảm bảo đầy đủ tiêu chí về thủy lợi, đáp ứng yêu cầu thâm canh trong nông nghiệp, tạo điều kiện cơ giới hóa nông nghiệp, đa dạng hóa cây trồng

Bước sang những năm đầu của thời kỳ 1976 – 1980 “*Phong trào quần chúng làm hoàn chỉnh thủy nông đã được mở rộng ở nhiều nơi, hiệu quả tưới và tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp rõ nét.*” (Chỉ thị của Thường vụ HĐCP về công tác hoàn chỉnh thủy nông tháng 12/1975) Và báo cáo của Chính phủ về nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước năm 1980 đã khẳng định “*.....đẩy mạnh thâm canh ở những vùng đã chủ động về nước, những vùng chưa chủ động về nước phải bố trí cây trồng hợp lý đảm bảo ăn chắc ...đảm bảo hoàn chỉnh một cách đồng bộ từ công trình đầu mối đến kênh mương các cấp ..*”

Nhà nước và nhân dân cùng làm – Bài học cơ bản trong thủy lợi

Thực hiện phương châm “*nhà nước và nhân dân cùng làm*” đã tạo ra nguồn vốn và nhân lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và quản lý khai thác tốt hệ thống thủy lợi phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội nói chung và nông nghiệp nói riêng . Tuy nhiên “*do tư tưởng bao cấp nặng nề, ỷ lại nhà nước, coi nhẹ công tác quản lý khai thác nên công trình hư hỏng không có vốn sửa chữa, đang xuống cấp*” (Lê Duẩn – tháng 12/1974)

Thực trạng này đã được khắc phục thông qua các cơ chế chính sách về đầu tư xây dựng, thực hiện phân cấp đầu tư ở 3 cấp Trung ương, Tỉnh, người hưởng lợi (chủ yếu là nông dân) theo qui mô công trình “lớn, vừa, nhỏ”, cấp kênh loại 1, 2, 3

Quán triệt phương châm “*nhà nước và nhân dân cùng làm*” các địa phương đã huy động nhân dân đóng góp “sức người, sức của” để xây dựng công trình thủy lợi trên địa bàn.

Vốn huy động theo phương châm này chiếm tỷ trọng khá lớn (20 – 40 %) thông qua hình thức huy động “công nghĩa vụ” để đào đắp, hoặc thông qua chi trả tiền công ở mức thấp (do có sự đóng góp của dân), với 1 định suất được trả 1 kg gạo (theo giá bao cấp) để làm công trình, kênh mương mặt ruộng

Có rất nhiều Huyện, Xã đã huy động “sức dân” (kinh phí và công lao động) đến mức tối đa, trong đó có : Huyện Phú Mỹ trong 5 năm (76-81) toàn huyện đã đầu tư 24,3 triệu đồng (giá hiện hành), trong đó nhân dân đã đóng góp 22, 8 triệu đồng (chiếm 94%), nhà nước hỗ trợ 1,5 triệu đồng, sử dụng 5 triệu ngày công để đào đắp xây dựng 8 hồ chứa nước vừa và nhỏ, đập ngăn mặn. Tỉnh Đắc Lắc có gần 500 công trình các loại được xây dựng bằng 3 nguồn vốn khác nhau, trong đó vốn nhà nước chiếm 40%, vốn của HTX và nhân dân chiếm 34%, số còn lại (26%) do các nguồn vốn khác

Riêng vốn cho bảo dưỡng (O&M) công trình các hệ thống thủy lợi được huy động người dân, thông qua chính sách thủy lợi phí, nhằm có đủ vốn để sửa chữa kịp thời những hư hỏng nhỏ, không dẫn đến hư hỏng lớn. Nhiều tỉnh huy động ngày công lao động công ích để làm thủy lợi trên địa bàn

Chính sách thủy lợi phí – Huy động sức dân, để khoan sức dân

Ngay từ năm 1963 Nhà nước đã ban hành Nghị định số 141 CP, kèm theo các Điều lệ Quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, Nghị định số 66 – CP, ngày 5 tháng 6 năm 1962 về việc ban hành điều lệ thủy lợi phí đã qui định mức thu thủy lợi phí theo nguyên tắc là : được hưởng nước từ công trình thủy lợi thì “*phải chịu phí tổn về quản lý và tu sửa – Phí tổn này gọi là thủy lợi phí*” (điều 2).

Đến năm 1984 nhà nước ban hành Nghị định 112 về Thủy lợi phí thay thế Nghị định 66. Thực hiện Nghị định này hàng năm thu được bình quân 400.000 – 430.000 tấn thóc (theo giá hiện tại ước tính tương đương 3.500 – 4000 tỷ đồng / năm theo giá hiện tại) giảm được một phần gánh nặng bao cấp của nhà nước, các công ty thủy nông có thêm vốn chủ động chi cho O&M, nâng cao được nhận thức và trách nhiệm trong việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn

Khi thế hoàn chỉnh các hệ thống công trình thủy lợi kéo dài trên 20 năm. Sau những năm 1995, đặc biệt sau những năm 2007 – 2008..có sự thay đổi về tổ chức chuyên ngành thủy lợi và chịu sự tác động của một số chính sách mới về thủy lợi

phí..đã hạn chế khí thế của Hoàn chỉnh thủy nông. Tư tưởng ỷ lại nhà nước của người dân ngày càng nặng nề hơn, nhiều nơi nông dân không trả thủy lợi phí nội đồng cho các tổ chức hợp tác dùng nước

Như vậy khí thế của hoàn chỉnh thủy nông không chỉ phát huy hiệu quả đầu tư công trình thủy lợi, mà còn khẳng định phát triển thủy lợi không thể thiếu sự tham gia của người dân và các bên liên quan (Chính phủ, chính quyền các cấp các tổ chức xã hội,các nhà đầu tư..) thông qua các cơ chế chính sách.

Thủy lợi đã không còn là một chuyên ngành

Thực hiện quyết định của Chính phủ, tháng 10 năm 1995, tiến hành sáp nhập Bộ Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp, Bộ Lâm nghiệp thành Bộ Nông Nghiệp và PTNT.

Như vậy sau 37 năm (tính từ 1958) Thủy lợi không còn là một chuyên ngành kỹ thuật. Theo cách lý giải thì thủy lợi được giới hạn, chỉ là một giải pháp kỹ thuật trong nông nghiệp (cấp nước tưới tiêu cho cây trồng). Nhưng thực tế, dù ở góc độ nào thì nhiệm vụ cấp nước tưới tiêu cho cây trồng đều có tác động liên quan nhiều đến môi trường, sinh thái, cải tạo nguồn nước ngầm, cải tạo đất..kết hợp thủy điện, giao thông thủy, bộ và đặc biệt phòng chống thiên tai (nhiệm vụ quản lý đê điều) không chỉ phục vụ riêng cho nông nghiệp.

Năm 1998 – Ban hành “Luật Tài nguyên nước”, “Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi” là khung pháp lý cơ bản để phát triển nguồn nước bền vững

Từ sau những năm 1995 Nhà nước đã tập trung đầu tư cho thủy lợi trong nông nghiệp tăng gấp nhiều lần so các thập kỷ trước đó. Theo nhiều chuyên gia thì đây là cơ hội làm thay đổi nhận thức về thủy lợi gắn liền với “lợi ích” ..và sau năm 2000 nhiệm vụ quản lý nước chuyển giao cho Bộ Tài nguyên Môi trường quản lý, Bộ NN và Phát triển NT chỉ thực hiện chức năng quản lý nhà nước công trình thủy lợi. Đây là một trong 2 công cụ (công trình, phi công trình) quan trọng quản lý nguồn nước hiệu quả, bền vững

Và cũng kể từ đó khái niệm về thủy lợi chưa đầy đủ cũng là yếu tố dẫn đến việc phân công, phân cấp quản lý nguồn nước, tài nguyên nước thông qua cơ chế phối hợp giữa các ngành, các bên liên quan, tổ chức và quản lý vận hành có sự chồng chéo, thiếu sự thống nhất, gặp nhiều khó khăn, trở ngại (kể cả khi đã ban hành Luật Tài nguyên nước mới) nên hiệu quả về quản lý nguồn nước chưa tương xứng với các yêu cầu về đầu tư, tổ chức, vận hành

Nhiều chuyên gia đặt ra câu hỏi “*Tại sao không sử dụng công cụ đồ sộ hiện có (công trình và phi công trình) để thực hiện chức năng quản lý nhà nước nguồn nước thống nhất theo lưu vực ?*” Không ít chuyên gia có ý kiến về nhiệm vụ thủy lợi nói chung (trừ thủy lợi mặt ruộng) nên giao cho Bộ Tài nguyên, môi trường

quản lý, hoặc giao một cơ quan độc lập khác quản lý mới đảm bảo quản lý thống nhất và khép kín nguồn nước theo yêu cầu hiệu quả và bền vững
Tuy nhiên hiện tại khó lòng có thể thay đổi được thực trạng về quản lý nguồn nước, hy vọng trong tương lai sẽ có sự điều chỉnh phù hợp